TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Tường Vi;

2. Ông Trương Hữu Bình;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Oanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 2002; hộ khẩu thường trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bi đơn: Ông Trang Thanh P, sinh năm 1995. HKTT: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chổ ở hiện nay: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 23/10/2024, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà N trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N và ông P có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 05/01/2022. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Những năm gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không sống chung từ hơn một năm nay. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn ly hôn với ông P.

- *Về con chung*: Có một con chung Trang Hiểu L, sinh ngày 26/02/2022. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 23/10/2024; bản chính giấy chứng nhận kết hôn.

**** Ý kiến của bị đơn:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết để ông P tham gia tố tụng nhưng ông P cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với mẹ bị đơn là bà N1, xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng bà N, ông P sống chung không hợp, không còn yêu thương nhau, hiện vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu xét xử mặt, bị đơn ông P đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà N khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông P, ông P có nơi cư trú tại huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn, bà N khởi kiện ly hôn với ông P. Quá trình tố tụng, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông P không tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N và ông P có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 05/01/2022. Hôn nhân giữa bà N và ông P đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, ông N và ông P có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau; hiện vợ chồng không còn ở chung hơn một năm nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông P cố tình vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà N và ông P có hai con chung có một con chung Trang Hiếu L, sinh ngày 26/02/2022. Xét thấy, cháu L dưới 03 tuổi, hiện đang ở với mẹ và được chăm sóc tốt; bà N có công việc và thu nhập ổn định nên việc giao cháu L cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp.

[4.3] *Về cấp dưỡng:* Bà Như không yêu cầu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N.

[4.3] *Về tài sản chung*: Bà Như không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] *Về nợ chung*: Bà Như không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà Như tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Quỳnh N đối với ông Trang Thanh P.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Quỳnh N được ly hôn với ông Trang Thanh P.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Lê Thị Quỳnh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trang Hiếu L, sinh ngày 26/02/2022 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Quỳnh N về việc không yêu cầu ông Trang Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Như không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Quỳnh N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0007115 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam